

TÀI PHÁN VIÊN TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ Ở NHẬT BẢN

PHAN TUẤN LY*

LÝ LINH NGHI**

TRƯƠNG LÊ THANH THẢO***

Ngày nhận bài: 14/02/2025

Ngày phản biện: 25/02/2025

Ngày đăng bài: 31/03/2025

Tóm tắt:

Trong bối cảnh cải cách tư pháp theo hướng dân chủ hiện đại ở Nhật Bản, tài phán viên trong tổ tụng hình sự giữ vai trò quan trọng trong việc đảm bảo công lý và thực thi pháp luật một cách công bằng. Bài viết khái quát cơ sở lý thuyết về tài phán viên, quy trình giải quyết vụ án hình sự và phân tích vai trò thiết yếu của tài phán viên trong tổ tụng ở Nhật Bản. Thông qua việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu như tổng hợp - phân tích và suy luận logic, bài viết làm rõ vai trò của tài phán viên trong các giai đoạn giải quyết vụ án hình sự ở tòa án Nhật Bản hiện nay. Kết quả nghiên cứu cho thấy tài phán viên góp phần duy trì nguyên tắc pháp quyền, dân chủ và bảo vệ quyền lợi của các bên liên quan trong vụ án hình sự tại Nhật. Tài phán viên trong tổ tụng hình sự ở Nhật Bản được đánh giá cao về tính công bằng và hiệu quả, không chỉ tham gia xét xử mà

Abstract:

In the context of Japan's ongoing judicial reform aimed at democratization, lay judges (saiban-in) play a vital role in ensuring justice and the fair application of the law in criminal proceedings. This paper offers a theoretical overview of the role of judges within Japanese criminal proceedings, detailing the process of resolving criminal cases and highlighting their essential function. Utilizing research methods such as synthesis, analysis, and logical reasoning, this study clarifies the judges' roles at various stages of criminal proceedings in contemporary Japan. The findings indicate that lay judges are instrumental in upholding the principles of the rule of law and democracy while safeguarding the rights of all parties involved in criminal cases. The analysis demonstrates that lay judges in Japan are highly regarded for their fairness and efficiency, actively participating in trials

* TS., Giảng viên Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh; Email: phantuanly@gmail.com

** SV., Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh; Email: 2153801015165@email.hcmulaw.edu.vn

*** SV., Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh; Email: 2153801015244@email.hcmulaw.edu.vn

còn góp phần đưa ra các quyết định quan trọng trong quá trình tố tụng. Mô hình này giúp đảm bảo sự minh bạch, độc lập và góp phần bảo vệ quyền lợi của các bên, từ đó nâng cao chất lượng công tác tư pháp.

and making significant decisions throughout the process. This saiban-in model promotes transparency and independence, ultimately enhancing the protection of all parties' rights and improving the overall quality of judicial work

Từ khóa:

Tòa án Nhật Bản, pháp luật Nhật Bản, tài phán viên, tố tụng hình sự.

Keywords:

Criminal proceedings, Japanese court, Japanese law, saiban-in

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh hiện nay, hệ thống tư pháp Nhật Bản đang trải qua một giai đoạn cải cách mạnh mẽ nhằm hướng tới việc xây dựng một nền tư pháp hiện đại và dân chủ hơn. Chế độ tài phán viên (裁判員制度, sau đây viết tắt là TPV) đã được thiết lập với mục tiêu tạo ra một hệ thống tư pháp công bằng, minh bạch và hiệu quả, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ quyền lợi của công dân. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm nổi bật, chế độ TPV cũng đang đối mặt với nhiều thách thức nghiêm trọng, đặc biệt là áp lực tâm lý mà các TPV phải gánh chịu cũng như chất lượng của phán quyết được đưa ra trong quá trình xét xử. Việc nghiên cứu vai trò của TPV trong tố tụng hình sự ở Nhật Bản là việc làm cần thiết, không chỉ nằm ở việc hiểu rõ hơn về chức năng của chủ thể này trong hệ thống tư pháp, mà còn ở việc đánh giá những ảnh hưởng của chế độ này đối với quyền lợi của công dân cũng như sự công bằng trong xét xử. Bài viết này sẽ phân tích và đánh giá chế độ TPV trong quy trình tố tụng hình sự ở Nhật Bản, từ đó làm rõ vai trò của chế độ này đối với hệ thống tư pháp của Nhật Bản.

Để đạt được mục tiêu này, bài viết sẽ đi sâu vào cơ sở lý thuyết của chế độ TPV, quy trình giải quyết vụ án hình sự tại Nhật Bản và vai trò cụ thể của họ trong các phiên tòa hình sự. Thông qua các phương pháp nghiên cứu như phân tích cơ sở pháp lý và thu thập thông tin từ thực tiễn và các công bố trước đó, bài viết sẽ làm sáng tỏ những vấn đề pháp lý quan trọng liên quan đến TPV trong tố tụng hình sự ở Nhật Bản. Các câu hỏi nghiên cứu như: Chế độ TPV là gì? Quy trình xét xử hình sự ở Nhật Bản được tổ chức như thế nào? Vai trò của TPV trong tố tụng hình sự là gì?

sẽ được giải đáp, từ đó cung cấp cái nhìn cụ thể hơn về cách thức hoạt động của định chế TPV trong hệ thống tư pháp Nhật Bản.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Nhìn chung, nghiên cứu về chế độ TPV được tiến hành bởi nhiều học giả ở Nhật Bản và trên thế giới. Các nghiên cứu này có thể chia làm hai xu hướng nghiên cứu chính: một là nghiên cứu tương quan giữa chế độ TPV và quyền lập pháp; hai là nghiên cứu về một số khía cạnh của chế độ TPV. Xu hướng nghiên cứu thứ nhất ghi nhận một số công bố nổi bật như: Mishima Satoshi¹ đã bàn về cơ sở lý luận và tính tương thích với hiến pháp của chế định TPV; Yanase Noboru² nghiên cứu về quá trình lập pháp của chế độ TPV dựa trên các lý thuyết về dân chủ hiện đại; Các công bố khác của Yoshimura Shinsho³ và Takeshita Ken⁴ cũng thuộc xu hướng nghiên cứu này khi bàn luận về những tồn tại của chế độ TPV và nền dân chủ hiện đại. Xu hướng nghiên cứu thứ hai ghi nhận các công trình tiêu biểu như: Yoshiyuki Matsumura⁵ khảo sát thái độ của người Nhật đối với chế độ TPV; Takayuki Ii⁶ nghiên cứu chế độ TPV và những ảnh hưởng có nó đến quyền công dân trong hoạt động xét xử; Chung Jihye⁷ nghiên cứu so sánh sự tham gia của công dân vào quy trình xét xử vụ án hình sự ở Nhật – Hàn và hướng đến việc khuyến khích sự tham gia này trong tố tụng. Như vậy, trên bình diện quốc tế, các nghiên cứu về chế độ TPV cũng đã được tiến hành từ nhiều khía cạnh như lịch sử, nội dung và so sánh.

Tại Việt Nam, nghiên cứu về chế độ nhân dân tham gia xét xử cũng đã bắt đầu được tiến hành, chẳng hạn như: nghiên cứu của Võ Minh Kỳ & Nguyễn Phương

¹ Mishima Satoshi (2019), *Mixed Jury System Ten Years On*, Japanese Journal of Sociological Criminology, 44, pp. 118-125.

² Yanase Noboru (2009), *Institutional Design of the Saiban-in System: Reanalysis of the Meaning of the General Public Participation in the Criminal Justice System based on the Theory of Deliberative Democracy*, Nippon Hyoron Sha, Tokyo.

³ Yoshimura Shinsho (2009), *An Outline of the Citizen Judge System and its Surrounding Issues*. Kyushu International University Law Article, 15(3), pp. 1-21.

⁴ Takeshita Ken (2013), *Citizen Judge System of Japan and Democracy*, Law review of Kansai University, 62(4-5), pp. 1687-1705.

⁵ Yoshiyuki Matsumura (2010), *Japanese Attitudes Toward Criminal Justice and Lay Judge System*, The Sociology of Law, 2010 (72), pp. 70-87.

⁶ Takayuki Ii (2019), *The position of Japan's lay judge system in the judicial participation of citizens around the world*, Report of International Symposium Lay Participation Worldwide: A Japanese citizen's opinion on the world's citizens, Shenshu University Institute of Law, Tokyo. <https://core.ac.uk/download/pdf/269019996.pdf>, truy cập ngày 12/2/2025.

⁷ Chung Jihye (2013), *Comparison of Citizen Participation in Criminal Justice Between Japan and Korea: A Proposal for the Review of Lay Judge Trials*. Hitotsubashi University, Japan. <https://hermes-ir.lib.hit-u.ac.jp/hermes/ir/re/27663/0201500101.pdf>, truy cập ngày 12/2/2025.

Anh⁸ về thẩm phán không chuyên trong phiên tòa hình sự qua nghiên cứu mô hình của Hoa Kỳ và Nhật Bản và đưa ra kinh nghiệm cho Việt Nam. Các nghiên cứu hiện tại ở Việt Nam chỉ bàn đến các khía cạnh nhỏ của cơ chế nhân dân tham gia vào hoạt động xét xử. Công bố của Võ Minh Kỳ & Nguyễn Phương Anh dù bàn đến chế độ TPV ở Nhật, nhưng cũng chỉ mang tính giới thiệu và thông qua lăng kính của các công bố bằng tiếng Anh. Do vậy, chế độ TPV vẫn chưa được khái quát một cách chi tiết, cũng như chưa được phân tích cụ thể trong mối tương liên với quy trình tố tụng hình sự Nhật Bản. Do đó, nghiên cứu chế độ TPV trong tố tụng hình sự tại Nhật Bản vẫn là một xu hướng có ý nghĩa khoa học cần được đào sâu.

3. Cơ sở lý thuyết

3.1. Mô hình tài phán viên trong hệ thống tòa án ở Nhật Bản

Trên thế giới, sự phát triển của phong trào dân chủ đề cao vai trò của người dân trong việc tham gia vào hoạt động xét xử của tòa án và việc này trở nên phổ biến, được xem là một bước tiến lớn trong việc xây dựng hệ thống tư pháp dân chủ⁹. Trong bối cảnh đó, Nhật Bản cũng đã tiến hành cải cách hệ thống tư pháp và thực hiện dân chủ trong tư pháp bằng cách xây dựng một quy trình xét xử vụ án hình sự mà trong đó sự tham gia của người dân đóng vai trò quan trọng. Năm 2004 (năm Heisei thứ 16), Luật liên quan tới xét xử hình sự có sự tham gia của TPV (裁判員の参加する刑事裁判に関する法律, sau đây gọi tắt là Luật TPV) được ban hành. Đây được xem là một cột mốc quan trọng cho sự phát triển của chế độ này tại Nhật Bản.

Chế độ TPV là một chế độ xét xử trong đó các công dân bình thường, mà không phải là chuyên gia pháp lý tham gia vào phiên tòa hình sự, được một số học giả ở Việt Nam gọi là thẩm phán không chuyên (Võ & Nguyễn, 2018). Chế độ này có một số đặc trưng của Nhật Bản so với các quốc gia khác, cụ thể liên quan đến năm khía cạnh sau:

Thứ nhất là các vụ án bắt buộc phải có TPV tham gia xét xử. Các TPV chỉ được tham gia vào các vụ án hình sự thuộc các tội nghiêm trọng như giết người,

⁸ Võ Minh Kỳ & Nguyễn Phương Anh (2018), *Thẩm phán không chuyên trong phiên tòa hình sự: Mô hình của Hoa Kỳ, Nhật Bản và kinh nghiệm cho Việt Nam*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, 6(362), tr. 30-38. <https://diendannghe luat.vn>, truy cập ngày 12/2/2025.

⁹ Richard O. Lempert (2001), *Citizen participation in judicial decision making: juries, lay judges and Japan*, St. Louis-Warsaw Transatlantic LJ, 1, p. 21.

cướp tài sản dẫn đến tử vong hoặc gây thương tích cho nạn nhân, ngộ sát hoặc các tội phạm nghiêm trọng khác (Điều 2 Luật TPV).

Thứ hai là việc thành lập hội đồng xét xử (HĐXX). Theo pháp luật Nhật Bản, các TPV bao gồm từ 6 đến 12 người tùy theo tính chất của vụ án. Họ sẽ tham gia vào HĐXX cùng với thẩm phán. Thông thường, HĐXX sẽ bao gồm ba thẩm phán và sáu TPV, trường hợp đặc biệt có thể là một thẩm phán và bốn TPV.

Thứ ba là thẩm quyền của TPV. Nhiệm vụ của TPV là tham gia vào xét xử hình sự và quyết định một người có tội hay không, thông qua quá trình tìm kiếm sự thật. Trong trường hợp bị xem là có tội, TPV còn có thẩm quyền quyết định mức hình phạt cho bị cáo. Như vậy, TPV có thẩm quyền xem xét chứng cứ để tìm ra sự thật của vụ án và cả thẩm quyền quyết định mức hình phạt. Điều này cho thấy chế độ TPV ghi nhận vai trò khá lớn cho những người dân bình thường trong hoạt động xét xử.

Thứ tư là nhiệm kỳ của TPV. Theo pháp luật Nhật Bản, các TPV trong HĐXX không hoạt động theo nhiệm kỳ nhất định mà được bổ nhiệm theo từng vụ việc. Tuy nhiên, không phải bất cứ ai cũng có thể trở thành TPV. Điều 13 Luật TPV quy định “TPV sẽ được lựa chọn trong số những người có quyền bầu cử thành viên Hạ viện”. Bên cạnh đó, họ không được rơi vào các trường hợp cấm và các trường hợp phải từ chối theo quy định của từ Điều 16 đến 19 của Luật TPV. Như vậy, phạm vi lựa chọn người trở thành TPV khá rộng và chỉ loại trừ một số trường hợp luật định. Luật TPV tạo điều kiện và cơ hội rộng lớn cho công dân tham gia vào việc xét xử nói chung và quá trình xét xử hình sự nói riêng.

Cuối cùng là phương thức bổ nhiệm. Ủy ban quản lý bầu cử sẽ lựa chọn ngẫu nhiên trong số những người có quyền bỏ phiếu cho các thành viên của Hạ viện để trở thành TPV. Danh sách này sẽ được gửi đến các tòa án cấp khu (区裁判所) và các tòa án địa phương (地方裁判所) (Điều 20 - 23 Luật TPV). Những người được lựa chọn trở thành TPV cũng sẽ nhận được thông báo. Vì hoạt động theo từng vụ việc, nên khoảng sáu tuần trước khi phiên tòa diễn ra, TPV cụ thể sẽ được lựa chọn ngẫu nhiên trong danh sách đã gửi cho các tòa án trước đó, cũng như được thông báo về ngày phải xuất hiện tại phiên tòa thông qua giấy mời (Điều 27 Luật TPV). Khi có mặt tại phiên tòa, họ sẽ được tòa án thông qua thủ tục bổ nhiệm và trở thành TPV tham gia vào vụ việc đang xét xử.

3.2. Chế độ ba cấp xét xử trong tố tụng hình sự của Nhật Bản

Chế độ ba cấp xét xử (三審制度) cho phép một vụ án được xét xử tối đa ba lần. Ba cấp xét xử được diễn ra lần lượt từ sơ thẩm, phúc thẩm cho đến thượng thẩm bởi các tòa án có thẩm quyền xét xử như Tòa án giản đơn, Tòa án địa phương, Tòa án cấp cao và Tòa án tối cao... Tuy nhiên, mỗi cấp xét xử là hoàn toàn riêng biệt theo nguyên tắc độc lập. Tòa án cấp dưới không chịu sự giám sát và chỉ đạo của tòa án cấp trên trong quá trình xét xử cũng như việc ban hành phán quyết giải quyết vụ án.

Trong tố tụng hình sự ở Nhật Bản, tòa án có thẩm quyền xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự bao gồm Tòa án giản đơn, Tòa án gia đình và Tòa án địa phương. Sau khi xét xử sơ thẩm, nếu không đồng ý với phán quyết, các bên trong vụ án như bị cáo (bao gồm cả đại diện và luật sư của bị cáo), công tố viên cũng như bên thứ ba có liên quan có quyền thực hiện quyền kháng cáo (Kouso - 控訴)¹⁰. Kháng cáo sẽ dẫn đến khả năng vụ việc đó sẽ được giải quyết lần thứ hai tại tòa án cấp trên trực tiếp của tòa án cấp sơ thẩm. Tương tự, sau khi tòa án phúc thẩm vụ việc, các bên nêu trên vẫn có quyền tiếp tục yêu cầu giải quyết vụ án lại lần thứ ba, cũng là lần giải quyết cuối cùng. Quyền này được gọi là quyền thượng cáo (Joukoku - 上告)¹¹. Như vậy, quyền kháng cáo và thượng cáo là quyền của các bên có liên quan đến vụ việc như bị cáo, công tố viên, bên thứ ba khi có căn cứ cho rằng có quyền, lợi ích hợp pháp bị vi phạm bởi phán quyết của tòa án. Hai quyền này, trong tố tụng hình sự tại Nhật Bản, được gọi chung với thuật ngữ là quyền thượng tố (Jouso - 上訴).

Thượng tố là thuật ngữ được sử dụng để chỉ quyền của các bên khi không đồng ý với phán quyết, quyết định của tòa án. Tuy nhiên, phạm vi của quyền thượng tố rộng hơn với nội hàm bao gồm cả quyền khiếu nại (Koukoku - 抗告)¹². Nếu kháng cáo và thượng cáo chỉ đề cập đến việc không chấp nhận phán quyết của tòa án, thì khiếu nại chỉ đề cập đến việc không chấp nhận các quyết định liên quan đến quá trình tố tụng. Các quyết định liên quan có thể kể đến như quyết định về tạm giam, kê biên tài sản... (Điều 419 đến 423 Luật Tố tụng hình sự (TTHS) năm 1945).

¹⁰ Kouso (控訴) là thuật ngữ chỉ việc kháng cáo từ tòa án sơ thẩm lên tòa án cấp cao hơn có thẩm quyền.

¹¹ Joukoku (上告) nghĩa là việc thượng cáo đối với phán quyết của tòa án xét xử sơ thẩm hoặc tòa án xét xử kháng cáo.

¹² Koukoku (抗告) dùng để chỉ thủ tục khiếu nại đối với quyết định của tòa án mà không thuộc trường hợp không được phép khiếu nại.

Người khiếu nại phải nộp đơn khiếu nại lên tòa án nơi đã ra quyết định. Khi xét thấy việc khiếu nại là có căn cứ, tòa án sẽ xem xét và sửa đổi lại quyết định của mình. Ngược lại, nếu tòa án xét thấy việc khiếu nại là không có căn cứ, họ phải chuyển đơn khiếu nại cùng ý kiến của mình đến tòa án cấp trên có thẩm quyền xét xử để xem xét lại quyết định trong thời hạn ba ngày kể từ ngày nhận đơn khiếu nại (Điều 423 Luật TTHS).

Khi nhận được đơn kháng cáo, tòa án có thẩm quyền sẽ tiến hành xét xử phúc thẩm nếu xét thấy có căn cứ. Căn cứ kháng cáo được quy định từ Điều 379 đến Điều 382 Luật TTHS¹³. Đối với tất cả các căn cứ trên thì thời hiệu kháng cáo là 14 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trong thời hạn này người kháng cáo phải nộp bản “tóm tắt kháng cáo” lên tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án. Kháng cáo chỉ được chấp nhận nếu không rơi vào các trường hợp được quy định tại Điều 386¹⁴. Ngoài ra, Luật TTHS Nhật Bản còn đề ra nguyên tắc không được xét xử phúc thẩm theo hướng bất lợi cho bị cáo hoặc hình phạt nặng hơn so với bản án sơ thẩm, được gọi là “*nguyên tắc cấm những thay đổi bất lợi*” (Điều 402). Tuy nhiên, nguyên tắc này chỉ được áp dụng trong trường hợp người kháng cáo là bị cáo hoặc bên thứ ba liên quan. Trong trường hợp người kháng cáo là công tố viên, nguyên tắc này không được áp dụng. Vì vậy, nếu công tố viên kháng cáo với lý do hình phạt do tòa án xét xử sơ thẩm quá nhẹ so với những gì bị cáo gây ra, mức án phúc thẩm có thể sẽ nặng hơn so với cấp sơ thẩm. Do đó, đây không phải là một nguyên tắc luôn được áp dụng trong tố tụng hình sự ở Nhật Bản.

Đối với thượng cáo, căn cứ để thượng cáo là rất hạn chế, chỉ giới hạn trong các trường hợp tại Điều 405 Luật TTHS¹⁵. Phạm vi thượng cáo có thể bao gồm cả bản án sơ thẩm lẫn bản án phúc thẩm. Khi xét thấy có các căn cứ theo quy định, tòa

¹³ Căn cứ kháng cáo bao gồm 05 trường hợp là: (i) vi phạm pháp luật trong quá trình tố tụng (Điều 379); (ii) có sai sót trong việc áp dụng pháp luật và ra quyết định (Điều 380); (iii) người kháng cáo cho rằng việc tuyên án không công bằng (Điều 381); (iv) có sự sai sót trên thực tế và sự hiểu lầm đó gây ảnh hưởng đến việc ra phán quyết (Điều 382); (v) có tình tiết xuất hiện mà có khả năng gây ảnh hưởng đến việc ra phán quyết tại thời điểm kết thúc tranh luận và trước khi tuyên án hoặc sau khi đã tuyên án nhưng không quá thời hiệu kháng cáo (khoản 2 Điều 382).

¹⁴ Các kháng cáo có thể không được chấp nhận nếu có một trong các căn cứ sau đây: (i) bản tóm tắt kháng cáo không được nộp trong thời hạn quy định; (ii) bản tóm tắt kháng cáo vi phạm về mặt hình thức hoặc không có các tài liệu cần thiết đính kèm; (iii) căn cứ kháng cáo nêu trong bản tóm tắt kháng cáo không thuộc các căn cứ kháng cáo luật định (Điều 386).

¹⁵ Các căn cứ để thượng cáo gồm: (i) có hành vi vi phạm Hiến pháp hoặc có sai sót trong việc giải thích Hiến pháp; (ii) bản án bị kháng cáo trái ngược với án lệ của TATC; (iii) trong trường hợp không có án lệ của TATC, HĐXX đã đưa ra phán quyết trái ngược với án lệ của tòa án cấp cao là tòa án thượng cáo, hoặc án lệ của tòa án cấp cao là tòa án kháng cáo sau khi Luật TTHS năm 1945 được thi hành.

án cấp trên trực tiếp của tòa án xét xử trước đó có quyền tiến hành thủ tục thượng thẩm. Tòa án xét xử thượng thẩm có thể ra phán quyết hủy bỏ bản án sơ thẩm hoặc phúc thẩm nếu phán quyết đó thuộc các căn cứ được quy định tại Điều 411 của Luật TTHS. Phán quyết của tòa án xét xử thượng thẩm là chung thẩm. Điều này có nghĩa là các bên không còn quyền được phản đối và yêu cầu xét xử lại lần nữa. Đây được xem là đặc trưng của chế độ ba cấp xét xử ở Nhật Bản.

4. Quy trình giải quyết vụ án hình sự tại Nhật Bản

Người thực hiện hành vi phạm tội được quy định trong pháp luật hình sự phải gánh chịu một hình phạt phù hợp. Để đảm bảo việc “tôn trọng nhân quyền cơ bản của con người”, việc áp dụng hình phạt lên một người chỉ có thể thực hiện khi trải qua đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật. Theo quy định của Luật TTHS Nhật Bản, tố tụng hình sự là một quy trình gồm ba giai đoạn chính là điều tra (Sousa - 捜査), truy tố (Kouso - 公訴) và xét xử (Saiban - 裁判).

4.1. Giai đoạn điều tra

Giai đoạn điều tra là giai đoạn đầu tiên trong thủ tục tố tụng hình sự. Điểm bắt đầu của giai đoạn này là khi tội phạm phát sinh và cơ quan điều tra tiếp nhận được nguồn tin thông báo tội phạm. Cơ quan điều tra không thể bắt đầu quá trình tố tụng nếu không có phát hiện về tội phạm được thực hiện. Nhiệm vụ chính của giai đoạn này là “*tìm kiếm, thu thập và bảo quản chứng cứ*” cùng với việc truy tìm và xác định thủ phạm. Kết quả của quá trình điều tra có thể phân làm hai trường hợp:

Trường hợp thứ nhất là xác định có căn cứ phạm tội. Sau khi xác định có căn cứ phạm tội và nghi phạm thì tùy theo tính chất vụ việc, cơ quan điều tra có thể lựa chọn việc đưa ra các biện pháp khẩn cấp tạm thời như bắt giữ, tạm giam... với sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền. Giai đoạn điều tra kết thúc bằng việc chuyển hồ sơ vụ việc cho công tố viên.

Trường hợp thứ hai là xác định không có căn cứ phạm tội. Lúc này, giai đoạn điều tra kết thúc, đồng thời cũng chấm dứt toàn bộ thủ tục tố tụng mà không bắt đầu các giai đoạn kế tiếp.

4.2. Giai đoạn truy tố

Khi nhận được vụ án được chuyển giao, công tố viên sẽ xem xét nội dung của chứng cứ được phát hiện và thu thập ở giai đoạn điều tra. Kết quả của giai đoạn này sẽ là một trong các quyết định: điều tra bổ sung hoặc quyết định truy tố ra tòa án. Về nguyên tắc, chỉ có công tố viên đại diện cho quốc gia mới có quyền truy tố.

Việc quyết định này được nộp lên tòa án chính là kết thúc của giai đoạn truy tố và bắt đầu chuyển sang giai đoạn xét xử. Cuối giai đoạn điều tra, nếu vụ án hình sự mang tính chất nghiêm trọng thuộc trường hợp bắt buộc phải có TPV, các nghi phạm thường bị tạm giam. Tuy nhiên, việc tạm giam ảnh hưởng đến quyền tự do công dân, nên việc này yêu cầu những thủ tục nghiêm ngặt và có thời hạn nhất định (Chương 8 Luật TTHS).

4.3. Giai đoạn xét xử

Giai đoạn xét xử bao gồm sơ thẩm, phúc thẩm và thượng thẩm như đã trình bày trong chế độ ba cấp xét xử ở Nhật Bản. Trong đó, thủ tục sơ thẩm là thủ tục xét xử đầu tiên, thủ tục phúc thẩm và thượng thẩm sẽ được tiến hành tương tự với các bước trong thủ tục xét xử sơ thẩm thông qua việc kháng cáo và thượng cáo. Tuy nhiên, các TPV thông thường chỉ có thể tham gia tại phiên tòa sơ thẩm, không xuất hiện trong các phiên tòa xét xử cấp thứ hai và thứ ba. Giai đoạn xét xử bao gồm hai bước nhỏ: thủ tục trước ngày mở phiên tòa và thủ tục tại phiên tòa xét xử. Trong đó thủ tục tại phiên tòa xét xử là giai đoạn mang tính bắt buộc.

(i) Thủ tục trước ngày mở phiên tòa

Để đảm bảo cho quá trình xét xử tại phiên tòa được tiến hành nhanh chóng, thuận lợi và đảm bảo công bằng, trước khi xét xử chính thức, một số thủ tục trước ngày mở phiên tòa sẽ được thực hiện. Thông thường, thủ tục này sẽ diễn ra trước ngày phiên tòa mở một ngày. Tại đây, các bên sẽ xem xét bằng chứng và trình bày một số điểm cần tranh luận. Đồng thời, tòa án sẽ lên kế hoạch cho lịch trình của phiên tòa xét xử. Mặc dù không phải là quy trình bắt buộc trong mọi phiên tòa xét xử hình sự, nhưng các thủ tục này thường được tiến hành trong các vụ án có TPV¹⁶.

(ii) Phiên tòa xét xử sơ thẩm

Hiến pháp quy định bị cáo có quyền được xét xử công khai, nhanh chóng tại một tòa án công bằng. Vì vậy, quá trình xét xử diễn ra tại phiên tòa là công khai. Quá trình xét xử có thể được chia thành bốn giai đoạn: (i) thủ tục mở đầu¹⁷, (ii) thủ tục xem xét chứng cứ¹⁸, (iii) tranh tụng¹⁹ và (iv) phán quyết²⁰.

¹⁶ Courts in Japan, *Questions and Answers on Criminal Procedure*. Truy cập tại https://www.courts.go.jp/saiban/syurui/syurui_keizi/index.html, truy cập ngày 12/2/2025.

¹⁷ Thủ tục mở đầu: là thủ tục mở đầu phiên tòa xét xử. Thủ tục này liên quan chủ yếu đến hoạt động xác nhận thông tin cũng như tuyên bố quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia xét xử.

¹⁸ Chứng cứ trong tố tụng hình sự bao gồm nhân chứng, bằng chứng tài liệu và vật chứng. Trong phiên tòa hình sự, bên cạnh công tố viên, bị cáo cũng có quyền đưa ra chứng cứ của mình để chứng minh. HĐXX có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ và tuyên bố chấp nhận hoặc từ chối chứng cứ đó.

5. Vai trò của tài phán viên trong phiên tòa hình sự

5.1. Các vụ án hình sự đòi hỏi phải có tài phán viên

TPV không tham gia tất cả các vụ án hình sự mà chỉ tham gia vào một số vụ án nhất định. Luật TPV quy định các vụ án hình sự đòi hỏi phải có TPV là những vụ án về các tội phạm nghiêm trọng được người dân quan tâm. Theo pháp luật hình sự Nhật Bản hiện hành, mức độ nghiêm trọng của tội phạm sẽ được xác định theo mức hình phạt tối đa có thể áp dụng. Vì vậy, sự xuất hiện của TPV trong các vụ án hình sự được xác định dựa trên mức hình phạt của tội phạm liên quan. Theo đó, Khoản 1 Điều 2 Luật TPV quy định các vụ án sau đây bắt buộc phải có sự tham gia của TPV vào HĐXX:

Thứ nhất, các vụ án có liên quan đến các tội phạm bị áp dụng các hình phạt nghiêm trọng như tử hình, tù chung thân hoặc tù giam (禁錮)²¹ trở lên đòi hỏi phải có sự tham gia của TPV. Ví dụ điển hình như tội giết người (殺人の罪) được quy định tại Điều 199 với mức hình phạt cao nhất là tử hình, tội nội loạn (内乱) với hành vi phá vỡ trật tự cơ bản của chính phủ do Hiến pháp thiết lập theo quy định tại Điều 77 với mức hình phạt tối đa đối với người cầm đầu là tử hình hoặc chung thân.

Thứ hai, các tội phạm gây ra hậu quả là nạn nhân tử vong do hành vi phạm tội cố ý của mình theo khoản 2 Điều 26 Luật Tòa án năm 1947 (trừ những vụ án đã được liệt kê tại khoản 1 Điều này). Một số tội phạm dễ thấy như tội cướp tài sản, cướp giết có vũ khí quy định tại Điều 236, Điều 238 hoặc Điều 239 BLHS Nhật Bản năm 1907; các tội phạm liên quan đến hành vi sử dụng vũ lực, gây thương tích nặng hoặc gây nguy hiểm cho tính mạng, ví dụ như tội bắt cóc tổng tiền theo Đạo luật về các biện pháp trừng phạt hành vi bạo lực số 60 năm 1920, các tội phạm trộm cắp nghiêm trọng như tội trộm cắp tài sản có giá trị lớn hoặc tội trộm cắp tài sản bằng

¹⁹ Tranh tụng: là quá trình các bên sẽ trình bày ý kiến của mình về vụ án theo thứ tự bắt đầu từ công tố viên cho tới luật sư bào chữa và bị cáo. Các bên sẽ tranh luận để đưa ra những luận điểm nhằm bảo vệ quan điểm và ý kiến của mình. Đây là một trong những căn cứ quan trọng để HĐXX đưa ra quyết định, phán quyết cuối cùng.

²⁰ Sau khi trải qua các giai đoạn tố tụng, HĐXX sẽ xem xét, đánh giá vụ việc và tiến hành nghị án. Giai đoạn này có hai nội dung quan trọng là phần phán quyết và phần tuyên án. Đây là giai đoạn đánh dấu sự kết thúc của quá trình tố tụng hình sự và quyết định của tòa án sẽ có ảnh hưởng lớn đến bị cáo và các bên liên quan.

²¹ Tù giam (禁錮) là một loại tù có thời hạn, nhưng người bị phạt loại tù này không cần phải thực hiện bất cứ loại lao dịch nào trong tù.

cách sử dụng bạo lực hoặc đe dọa quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 1.2, khoản 1 Điều 1.3 của Luật ngăn chặn và xử lý hành vi trộm cắp năm 1930.

Các vụ án đòi hỏi phải có sự tham gia của TPV đều bắt nguồn từ các vụ án có sự quan tâm sâu sắc của nhân dân và mức độ nghiêm trọng của tội phạm dựa trên hình phạt. Các tội phạm này có mức hình phạt nặng, thể hiện tính nghiêm trọng và tác động tiêu cực đến xã hội của hành vi vi phạm pháp luật²². Sự hiện diện của TPV không chỉ giúp đảm bảo rằng các quyền lợi hợp pháp của bị cáo được bảo vệ mà còn tăng cường niềm tin của xã hội vào quy trình pháp lý, từ đó góp phần ổn định trật tự và an toàn xã hội. Việc xét xử các vụ án nghiêm trọng với sự tham gia của TPV cũng thúc đẩy ý thức trách nhiệm của từng công dân trong việc tuân thủ pháp luật. Tuy nhiên, có một số ý kiến cho rằng thay vì quy định áp dụng chế độ TPV đối với các vụ án nghiêm trọng, nên quy định với các vụ án nhẹ hơn và mở rộng phạm vi áp dụng để chế độ này được hoạt động hiệu quả hơn, giúp nâng cao hiểu biết của công dân và tăng cường niềm tin của người dân vào hệ thống tư pháp²³.

Theo quy định hiện nay, để tránh gây quá nhiều gánh nặng cho các TPV, pháp luật Nhật Bản cũng quy định những trường hợp ngoại lệ tại Điều 3 và Điều 3.2 Luật TPV. Theo đó, trong trường hợp các vụ án hình sự phải có sự tham gia của TPV, nhưng các TPV này có các căn cứ để tin rằng những lời nói, hành động của bị cáo hoặc những người liên quan có thể gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe hoặc tài sản hoặc thân nhân của họ, khiến họ có nguy cơ bị đe dọa và không thể thực hiện nhiệm vụ của mình, tòa án có thể ra quyết định loại trừ sự tham gia của TPV trong vụ án đó. Bên cạnh đó, Luật TPV cũng quy định hai ngoại lệ đối với một số vụ án hình sự trong trường hợp khó tuyển chọn hoặc duy trì TPV. Một là, thời gian xét xử dự kiến kéo dài do tính phức tạp hoặc số lượng phiên tòa cần có sự tham gia của TPV quá lớn, khiến cho việc tuyển chọn hoặc thay thế TPV trở nên khó khăn. Hai là, hội đồng TPV không đủ thành viên do thiếu TPV bổ sung và có lý do để cho rằng việc tuyển chọn hoặc bổ sung TPV mới cho các phiên tòa tiếp theo sẽ gặp trở ngại do tình trạng thiếu hụt hoặc TPV bị đe dọa. Khi tòa án ra quyết định không cần có sự tham gia của TPV, vụ án đó sẽ được xét xử bởi hội đồng thẩm phán. Quyết định này sẽ được Tòa án địa phương đưa ra dựa trên yêu cầu của Viện công tố, bị cáo hoặc

²² Chung Jihye (2013), tldd (7), p. 19.

²³ Takeshima Chiho (2017), *Reconsideration of Citizen Judge System in Japan - An Analysis and Consideration from the Standpoint of the Freedom of Conscience*, The Waseda journal of social sciences, 29, p. 60.

luật sư bào chữa, sau khi tham khảo ý kiến của Chánh án Tòa án địa phương (Điều 3.2 Luật TPV). Các tòa án cấp dưới của Tòa án địa phương không có thẩm quyền này.

5.2. Quyền hạn của tài phán viên

Quyền hạn của TPV được quy định tại Điều 6 Luật TPV. Theo đó, khi được chỉ định làm TPV trong HĐXX, họ có các quyền hạn sau:

Thứ nhất, quyền được tham gia đầy đủ vào các cuộc thảo luận của hội đồng thẩm phán, chia sẻ ý kiến và quan điểm của mình về các vấn đề liên quan đến vụ án tại các Điều 56, 57, 58.

Thứ hai, quyền thể hiện ý kiến trong HĐXX. Điều 11 Luật Tòa án quy định “*phán quyết phải thể hiện ý kiến của từng thẩm phán*”. Theo đó, TPV có quyền bày tỏ ý kiến cá nhân về các chứng cứ, lời khai của nhân chứng và lập luận từ các bên liên quan. Những quan điểm này sẽ được xem xét một cách nghiêm túc và đóng góp vào quá trình ra quyết định của hội đồng thẩm phán. Với quyền hạn tương đương như các thẩm phán, TPV có khả năng đưa ra những ý kiến độc lập tương tự. Quyền hạn của họ còn bao gồm việc đề xuất các giải pháp hoặc đưa ra phán quyết khác với những đề xuất từ các thẩm phán.

Thứ ba, quyền đưa ra phán quyết cuối cùng (Điều 67 Luật TPV). Phán quyết của HĐXX sẽ được đưa ra dựa trên đa số phiếu bầu của hội đồng thẩm phán sau khi TPV thảo luận với thẩm phán. Như vậy, với tư cách là thành viên trong hội đồng thẩm phán, TPV có quyền bình đẳng với các thẩm phán khi bỏ phiếu để đưa ra quyết định đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐXX. Mỗi phiếu biểu quyết của họ có giá trị tương đương với biểu quyết của các thẩm phán khác.

Thứ tư, quyền được đào tạo về các quy trình tố tụng, luật pháp liên quan (khoản 3 và khoản 5 Điều 66 Luật TPV). Điều này nhằm gia tăng kiến thức pháp luật cho TPV, từ đó thúc đẩy vai trò của họ trong HĐXX cũng như giúp họ có thể dễ dàng thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình.

Như vậy, TPV không chỉ nắm giữ nhiều quyền hạn quan trọng trong quá trình xét xử, mà còn được đảm bảo quyền bình đẳng với các thẩm phán. Việc TPV được phép bày tỏ ý kiến cá nhân và đề xuất các giải pháp độc lập cho thấy sự chú trọng đến vai trò của họ trong hệ thống tư pháp. Ngoài ra, các quy định về việc đào tạo và hướng dẫn từ thẩm phán chủ tọa đảm bảo rằng TPV có đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện trách nhiệm của mình một cách hiệu quả. Qua đó, hệ thống tư

pháp hình sự Nhật Bản được củng cố với sự tham gia tích cực của người dân vào hoạt động xét xử thông qua vai trò của TPV.

5.3. Quyết nghị của tài phán viên

Khoản 1 và khoản 3 Điều 6 Luật TPV quy định về quyết nghị của TPV. Theo đó, TPV tham dự các phiên tòa hình sự được tổ chức công khai cùng với thẩm phán và bỏ phiếu để quyết nghị nhằm đưa ra phán quyết cuối cùng liên quan đến định danh và định khung hình phạt²⁴.

Quy trình quyết nghị của TPV sẽ bao gồm ba bước chính: xác định sự thật, áp dụng pháp luật và quyết định mức án. Bước đầu tiên trong quy trình là “*xác định sự thật*”. Trong quá trình này, TPV cần xem xét các mặt khách quan và chủ quan của tội phạm mà công tố viên trình bày trong cáo trạng nhằm xác định bị cáo có thực sự thực hiện hành vi phạm tội hay không và xem xét các tình tiết có thể miễn trừ trách nhiệm hình sự, chẳng hạn như tình trạng tâm thần. Tiếp theo là việc “*áp dụng pháp luật*”. Thẩm phán sẽ “*giải thích pháp luật*” liên quan đến năng lực hành vi của người phạm tội. Từ những giải thích này, TPV sẽ xem xét năng lực hành vi của người bị đưa ra xét xử trong vụ án. TPV sẽ dựa trên những “*giải thích pháp luật*” của thẩm phán và kết quả của quá trình “*xác định sự thật*” để đưa ra ý kiến của mình liên quan đến phán quyết. Cuối cùng, TPV có quyền “*quyết định mức án*”, tức là xác định loại hình phạt và định khung, chẳng hạn như phạt tù có thời hạn²⁵.

Sau quy trình trên, nếu các thành viên trong hội đồng xét xử không đạt được sự đồng thuận sau quá trình thảo luận kỹ lưỡng, phán quyết sẽ được đưa ra theo nguyên tắc đa số. Tuy nhiên, ý kiến của đa số TPV không đủ để kết án và cần phải có ít nhất một thẩm phán ủng hộ quyết định đó²⁶. TPV có quyền biểu quyết tương tự như thẩm phán, nhưng kết quả phải bao gồm sự đồng ý của cả thẩm phán và TPV. Điều này có nghĩa là ý kiến của TPV không thể đủ mạnh để đưa ra phán quyết của HĐXX.

6. Kết luận

TPV trong tổ tụng hình sự ở Nhật Bản đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy công bằng, minh bạch và đại diện chủ quyền nhân dân trong hệ thống tư

²⁴ Oshiro Satoshi (2021), *Past and Future Challenges of the Lay Judge System*, The National Consumer Affairs Center of Japan Article, (106), pp. 11-14.

²⁵ Yoshimura Shinsho (2009), *tlđđ* (3), p. 9.

²⁶ Courts in Japan (2018), *Supreme Court of Japan*, p. 15. Truy cập tại https://www.courts.go.jp/english/vc-files/courts-en/file/2018_Court_System_of_Japan.pdf, truy cập ngày 12/2/2025.

pháp. TPV chỉ tham gia xét xử các vụ án nghiêm trọng, giúp bảo vệ quyền lợi của bị cáo và củng cố niềm tin của công chúng vào quyền tư pháp. Hơn nữa, TPV cũng có quyền tham gia thảo luận, bày tỏ quan điểm cá nhân và quyết định mức án tương tự như thẩm phán. Qua đó, những quyết nghị của TPV góp phần nâng cao tính khách quan và công bằng của quá trình xét xử, thể hiện sự tiến bộ trong việc xây dựng nền tư pháp dân chủ. Kết quả nghiên cứu cho thấy việc TPV tham gia vào các vụ án hình sự nghiêm trọng không chỉ nâng cao tính khách quan và công bằng của hệ thống tư pháp Nhật Bản, mà còn là bước tiến quan trọng trong việc xây dựng một nền tư pháp dân chủ, nơi mà quyền lợi của mỗi cá nhân được đảm bảo. Sự thành công của chế độ TPV sẽ không chỉ nâng cao chất lượng của các phiên tòa mà còn củng cố niềm tin của người dân vào hệ thống các cơ quan tư pháp, thúc đẩy sự phát triển bền vững của xã hội. Bài viết chỉ tập trung vào vai trò của TPV trong quá xét xử vụ án hình sự theo quy định của pháp luật Nhật Bản. Do đó, bài viết vẫn chưa trình bày đầy đủ vai trò của TPV trong tam quyền phân lập từ góc nhìn của quyền lực nhà nước. Đồng thời, vai trò của TPV trong các hoạt động tố tụng khác, các khía cạnh về nghề nghiệp cũng như đảm bảo cho việc thực hiện quyền của họ vẫn chưa được đề cập trong bài viết này. Vì giới hạn dung lượng, bài viết cũng chưa ghi nhận góc nhìn mang tính so sánh với hệ thống pháp luật Việt Nam. Đây đều là những chiều kích có ý nghĩa liên quan đến định chế pháp lý thú vị này của đất nước Nhật Bản. Do đó, những hướng nghiên cứu này cần được các học giả khác trong tương lai đào sâu hơn để gợi ý cho tiến trình cải cách tư pháp của các quốc gia đang phát triển./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Mishima Satoshi (2019), *Mixed Jury System Ten Years On*, Japanese Journal of Sociological Criminology, 44, truy cập tại https://doi.org/10.20621/jjscrim.44.0_118.
2. Yanase Noboru (2009), *Institutional Design of the Saiban-in System: Reanalysis of the Meaning of the General Public Participation in the Criminal Justice System based on the Theory of Deliberative Democracy*, Nippon Hyoron Sha, Tokyo.
3. Yoshimura Shinsho (2009), *An Outline of the Citizen Judge System and its Surrounding Issues*. Kyushu International University Law Article, 15(3).
4. Takeshita Ken (2013), *Citizen Judge System of Japan and Democracy*, Law review of Kansai University, 62(4-5).

5. Yoshiyuki Matsumura (2010), *Japanese Attitudes Toward Criminal Justice and Lay Judge System*, The Sociology of Law, 2010 (72), truy cập tại https://doi.org/10.11387/jsl.2010.72_70.
6. Takayuki Ii (2019), *The position of Japan's lay judge system in the judicial participation of citizens around the world, Report of International Symposium Lay Participation Worldwide: A Japanese citizen's opinion on the world's citizens*, Shenshu University Institute of Law, Tokyo, truy cập tại <https://core.ac.uk/download/pdf/269019996.pdf>, truy cập ngày 12/2/2025.
7. Chung Jihye (2013), *Comparison of Citizen Participation in Criminal Justice Between Japan and Korea: A Proposal for the Review of Lay Judge Trials*. Hitotsubashi University, Japan, truy cập tại <https://hermes-ir.lib.hit-u.ac.jp/hermes/ir/re/27663/0201500101.pdf>, truy cập ngày 12/2/2025.
8. Trần Thị Thu Hằng (2018), *Nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật – Thực tiễn thực hiện và kiến nghị*, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, (316), truy cập tại <https://tapchitoaan.vn/nguyen-tac-tham-phan-hoi-tham-xet-xu-doc-lap-va-chi-tuan-theo-phap-luat-thuc-tien-thuc-hien-va-kien-ngh>, truy cập ngày 12/2/2025.
9. Võ Minh Kỳ & Nguyễn Phương Anh (2018), *Thẩm phán không chuyên trong phiên tòa hình sự: Mô hình của Hoa Kỳ, Nhật Bản và kinh nghiệm cho Việt Nam*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, 6(362), truy cập tại <https://diendannghe luat.vn>, truy cập ngày 12/2/2025.
10. Richard O. Lempert (2001), *Citizen participation in judicial decision making: juries, lay judges and Japan*, St. Louis-Warsaw Transatlantic LJ, 1.
11. Courts in Japan, *Questions and Answers on Criminal Procedure*, truy cập tại https://www.courts.go.jp/saiban/syurui/syurui_keizi/index.html, truy cập ngày 12/2/2025.
12. Takeshima Chiho (2017), *Reconsideration of Citizen Judge System in Japan - An Analysis and Consideration from the Standpoint of the Freedom of Conscience*, The Waseda journal of social sciences, 29.
13. Oshiro Satoshi (2021), *Past and Future Challenges of the Lay Judge System*, The National Consumer Affairs Center of Japan Article, (106).
14. Courts in Japan (2018), *Supreme Court of Japan*. Truy cập tại https://www.courts.go.jp/english/vc-files/courts-en/file/2018_Court_System_of_Japan.pdf, truy cập ngày 12/2/2025.